

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 131/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 04 - 9 - 2025
V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHU VỰC 12 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Chiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thanh Nhàn

2. Ông Dương Văn Lũy

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Thiện Nhân - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 12 – An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – An Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Cao Đăng Khoa – Kiểm sát viên sơ cấp

Ngày 04 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 287/2025/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 28/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2025, giữa:

1. Nguyên đơn: chị Trần Thị T, sinh năm 1991; CCCD số: 089191014057;

Nơi cư trú: ấp B, xã B, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: số B, tổ A, ấp P, xã C, tỉnh An Giang.

Số điện thoại: 0916.188.815;

2. Bị đơn: anh Huỳnh Văn N, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: ấp B, xã B, tỉnh An Giang.

Số điện thoại: 0788.761.407;

(chị T xin vắng mặt, anh N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình hòa giải nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày: Chị và anh N do quen biết, sau thời gian tìm hiểu, được sự đồng ý của gia đình hai bên, hai người chung sống, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh An Giang) theo giấy chứng nhận kết hôn số 55 ngày 06/6/2018. Thời gian đầu vợ chồng cùng nhau đi làm xa ở nhiều nơi, đến năm 2024 thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh N ghen vô cớ, thường xuyên uống rượu và mang theo dao bên mình, mỗi khi anh N say xỉn có nhiều lời lẽ xúc phạm danh dự chị cùng gia đình của chị và đập phá nhiều đồ đạc trong nhà, anh N có hành vi bạo lực với chị và sau đó đốt hết đồ đạc của chị. Ngoài ra anh N còn gây mâu thuẫn với gia đình chị dù chị đã khuyên rất nhiều lần nhưng anh N không thay đổi, đến tháng 05/2024 chị đưa con về nhà cha mẹ ruột sinh sống và ly thân với anh N cho đến nay, sau ly thân anh N không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng mà có nhiều lời lẽ xúc phạm danh dự chị cùng gia đình bên chị, nay tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Văn N.

- Về con chung: có 01 con chung tên Huỳnh Thị Kiều N1, sinh ngày 01/12/2018, hiện chị đang nuôi dưỡng. Nay chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Huỳnh Văn N vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý vụ án nên không có ý kiến trình bày.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – An Giang:

* Về thủ tục tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật, tuy nhiên anh N vắng mặt suốt quá trình tố tụng là chấp hành pháp luật chưa nghiêm, anh N đã được tổng đạt triệu tập để nghe xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, chị T vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt và có ý kiến trình bày rõ ràng yêu cầu của mình, do đó đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt anh N và chị T theo Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

* Về nội dung:

- Về Hôn nhân của anh, chị sau thời gian tìm hiểu và được gia đình hai bên đồng ý, hai người chung sống như vợ chồng, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 55 ngày 06/6/2018, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do anh N ghen tuông, thường xuyên uống rượu

gây chuyện, có nhiều lời lẽ xúc phạm chị T và gia đình, bạo hành, đập phá đồ đạc trong nhà, chị T khuyên can nhiều lần, nhưng anh N không thay đổi, đến tháng 05/2024 chị T đưa con về nhà cha mẹ ruột sinh sống và ly thân đến nay. Sau khi ly thân hai người không tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu ly hôn với anh N là có căn cứ, phù hợp với lời trình bày của bà Trần Thị K, sinh năm 1965 (là mẹ ruột của chị T), đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

- Về con chung có 01 con chung tên Huỳnh Thị Kiều N1, sinh ngày 01/12/2018, hiện chị T đang nuôi dưỡng, nay chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con. Nhận thấy việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con sau khi ly hôn, vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên đối với con chưa thành niên, cháu N1 sống với chị T cũng được nuôi dưỡng chăm sóc đảm bảo, tuy nhiên hiện nay cháu N1 còn quá nhỏ nhưng chị T không có yêu cầu cấp dưỡng là thiệt thòi quyền lợi của con, nếu sau này khi cần thiết chị T có thể yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con, do đó đề nghị hội đồng xét xử giao con chung Huỳnh Thị Kiều N1 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng cho con như ý kiến của chị T cũng phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có tranh chấp nên không giải quyết
Đồng thời buộc các đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về người tham gia tố tụng: nguyên đơn chị Trần Thị T yêu cầu được vắng mặt khi xét xử, chị có ý kiến trình bày rõ ràng yêu cầu của mình, bị đơn anh Huỳnh Văn N được tổng đạt triệu tập đến lần thứ hai để nghe xét xử nhưng anh không có mặt, do việc vắng mặt của anh, chị không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt anh, chị theo Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: hiện nay anh Huỳnh Văn N cư trú tại ấp B, xã B, tỉnh An Giang, nên chị Trần Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về quan hệ tranh chấp: chị Trần Thị T xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con, nên quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện hôn nhân của anh, chị sau thời gian

tìm hiểu và được gia đình hai bên đồng ý, hai người chung sống như vợ chồng, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 55 ngày 06/6/2018 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2024 phát sinh mâu thuẫn do anh N hay ghen tuông, thường xuyên uống rượu gây chuyện rồi có nhiều lời lẽ xúc phạm danh dự chị T và gia đình chị T, có hành vi bạo lực gia đình, đập phá đồ đạc trong nhà, đến tháng 05/2024 chị T cùng con về nhà cha mẹ ruột sinh sống và ly thân cho đến nay. Sau khi ly thân hai người cũng không tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu ly hôn với anh N là có căn cứ, phù hợp với lời trình bày của bà Trần Thị K (là mẹ ruột của chị T), để anh chị có cuộc sống riêng sau này, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung có 01 con chung tên Huỳnh Thị Kiều N1, sinh ngày 01/12/2018, hiện chị T đang nuôi dưỡng, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con. Xét thấy việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con sau khi ly hôn, vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên đối với con chưa thành niên, cháu N1 sống với chị T cũng được nuôi dưỡng chăm sóc đảm bảo, do đó Hội đồng xét xử giao con chung Huỳnh Thị Kiều N1 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng cho con như ý kiến của chị T cũng phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: không có tranh chấp nên không giải quyết

[3] Về án phí: chị Trần Thị T là người xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 56 và Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ Luật Tổ tụng Dân sự 2015;
- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;
- Căn cứ Điều 26, khoản 5 Điều 27, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị T đối với anh Huỳnh Văn N;

- Về hôn nhân: chị Trần Thị T được ly hôn với anh Huỳnh Văn N.

- Về con chung: tiếp tục giao cháu Huỳnh Thị Kiều N1, sinh ngày 01/12/2018 cho chị Trần Thị T nuôi dưỡng đến thành niên hoặc tự lập được, anh Huỳnh Văn N không phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: không giải quyết

* Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012103 ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 – An Giang), anh Huỳnh Văn N không phải chịu án phí.

- Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

- Trường hợp bản án, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Văn L – T

Bùi Văn C

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 12 – An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Chiến